

Bản án số: 63/2020/KDTM-PT

Ngày 15/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 và ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2020/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 864/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.**

Địa chỉ: Số 18, đường THD, phường MĐ, quận TL, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Nhật B – Giám đốc (Có mặt)

Địa chỉ: Số 9B, khóm 5, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

**2. Bị đơn: Trần Huy L, sinh năm 1950. (Có mặt)**

Địa chỉ: Số 35/3D đường LBG, khóm K2, phường P9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**3. 1. Nguyễn Thị Lệ K, sinh năm 1959 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: số 35/3D đường LBG, khóm K2, phường P9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: NSW 2199 Australia.

**3.2. Trần Huy L1, sinh năm 1991 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 35/3D đường LBG, khóm 2, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Sydenham. NSW 2044.

3.3. Trần Văn A1, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 35/3D đường LBG, khóm 2, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ tạm trú: Shepherds Bush London Unitid Kingdom UK

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Lệ K, Trần Huy Luân, Trần Văn Anh: Trần Huy L, sinh năm 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 35/3D đường LBG, khóm 2, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Tổng Thanh T, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 80A, ấp PL, xã TH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Huy L và ông Tổng Thanh T.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2014 của Ngân hàng A và người đại diện của Ngân hàng trình bày:

Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH (Ngân hàng) có cho hộ ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K vay tiền, mục đích vay mua sà lan theo hợp đồng tín dụng số LAV 200907878 với các lần nhận nợ như sau:

Ngày 21/10/2009 số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, hạn trả kỳ 1 ngày 10/10/2010, kỳ 2 ngày 10/10/2011, kỳ 3 ngày 10/10/2012.

Ngày 29/10/2009 số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, hạn trả kỳ 1 ngày 10/10/2012, kỳ 2 ngày 10/10/2013, kỳ 3 ngày 10/10/2014.

Tổng cộng số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Tài sản thế chấp giá trị 7.913.200.000 đồng, bao gồm:

+ 01 Quyền sử dụng đất số T608837, số thửa 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.880m<sup>2</sup>, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long do Trần Huy L đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện LH cấp ngày 12/11/2004.

+ 01 giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L.

Tính đến nay ông L hiện còn nợ gốc 5.000.000.000 đồng, lãi nộp đến ngày 10/01/2011. Ông L đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể:

+ Lần nhận nợ ngày 21/10/2009 đến hạn trả nợ phân kỳ 2 vào ngày 10/10/2011 số tiền 887.000.000 đồng đã quá hạn.

+ Lần nhận nợ ngày 29/10/2009 đến hạn trả nợ phân kỳ 1 ngày 10/10/2011 số tiền 667.000.000 đồng đã quá hạn.

Nên số nợ trên hợp đồng tín dụng nêu trên đều đã chuyển sang nợ quá hạn. Tổng số tiền ông L hiện còn nợ Ngân hàng là 8.526.705.500 đồng (trong đó nợ gốc 5.000.000.000 đồng và nợ lãi 3.526.705.500 đồng).

Ngân hàng yêu cầu ông L phải trả số tiền nêu trên hoặc phát mãi tài sản đã thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và sà lan có giấy Chứng nhận nêu trên

để trả nợ và yêu cầu số nợ trên tiếp tục tính lãi chậm trả theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Ngân hàng thu đủ số nợ gốc và lãi.

Đối với bà Nguyễn Thị Lệ K là vợ ông L, Ngân hàng yêu cầu bà K có trách nhiệm cùng ông L thanh toán món nợ vay do ông L đứng tên.

- Tại phiên hòa giải anh Trần Văn H đại diện Ngân hàng trình bày: Đến thời điểm 18/10/2019 số tiền lãi (trên nợ gốc 5.000.000.000 đồng) là 6.567.392.277 đồng, tổng cộng gốc và lãi 11.567.392.277 đồng. Đến thời điểm 08/3/2011 ông Trần Huy L đã nộp lãi tổng cộng khoảng 916.666.666 đồng.

Trong quá trình vay ông L tự ý lấy tài sản bán cho ông Tống Thanh T, giá 4.000.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán ngày 21/5/2012, thời điểm Ngân hàng phát hiện ông L bán sà lan cho ông T ngày 20/02/2017.

Ông L đã nhận của ông T 4.367.024.974 đồng (căn cứ các biên nhận), trong đó gốc 3.100.000.000 đồng và lãi 1.267.024.974 đồng. Nhưng ông L chỉ đóng lãi cho Ngân hàng 107.624.999 đồng (107.624.999 đồng nằm trong 916.666.666 đồng), còn 4.259.399.975 đồng ông L dùng vào việc khác.

Sà lan bán ngày 21/5/2012 ông L vẫn cam kết sà lan còn và cam kết trả nợ cho Ngân hàng.

Yêu cầu ông L và bà K trả nợ cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 11.567.392.277 đồng, trong đó gốc 5.000.000.000 đồng và lãi 6.567.392.277 đồng. Trường hợp không thanh toán nợ, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ yêu cầu ông L bổ sung tài sản trả nợ theo Bảng đề nghị ngày 16/6/2015 vì sà lan ông L bán cho người khác sử dụng thì giá trị sà lan giảm xuống (tài sản bổ sung bao gồm quyền sử dụng đất và nhà nhưng không nêu nhà địa chỉ ở đâu, theo Ngân hàng là nhà và đất ở phường 9). Yêu cầu ông L và bà K tiếp tục trả lãi cho đến ngày trả xong nợ gốc.

- Tại phiên hòa giải ông Trần Huy L trình bày: Về hợp đồng tín dụng, số tiền vay, thời hạn vay thống nhất với Ngân hàng. Về vốn thống nhất hiện nay còn nợ Ngân hàng 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên về lãi thì không thống nhất, ông đã trả Ngân hàng tiền lãi tính đến 08/3/2011 số tiền tổng cộng 960.000.000 đồng.

Thống nhất tài sản thế chấp gồm: + 01 Quyền sử dụng đất số T608837, số thửa 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.880m<sup>2</sup>, loại đất thổ vườn, trong đó có đất thổ 300m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Trên đất không có tài sản khác. Khi vay tiền, Ngân hàng không có đến thẩm định chỉ căn cứ giấy Chứng nhận, giá trị đảm bảo 150.000.000 đồng, giá trị thực 210.000.000 đồng.

+ 01 giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L. Định giá ban đầu là 7,7 tỷ.

Ngân hàng yêu cầu ông trả số nợ gốc 5.000.000.000 đồng, ông đồng ý nhưng yêu cầu cho ông thời gian để ông giải quyết sà lan bán trả chậm cho ông Tống Thanh T xong.

Về tiền lãi Ngân hàng yêu cầu, ông không đồng ý trả từ năm 2012 trở đi. Lý do Ngân hàng phát mãi tài sản của ông là chiếc sà lan bán đấu giá không thành, nhưng Ngân hàng không có biện pháp xử lý và không xác nhận cho sà lan chạy nên ông không có thực hiện được hợp đồng vận chuyển, không thu được cước nên không có tiền trả lãi. Theo yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng, ông không đồng ý 01 phần:

Ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là: 01 Quyền sử dụng đất số T608837, số thửa 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.880m<sup>2</sup>, loại đất thổ vườn, trong đó thổ 300m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long để trả nợ Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp là chiếc sà lan theo giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009, ông chưa đồng ý phát mãi để trả nợ Ngân hàng, ông yêu cầu chậm lại để ông và ông Tống Thanh T giải quyết tranh chấp việc mua bán chiếc sà lan này cho xong. Ngân hàng giao chiếc sà lan cho ông Tống Thanh T thì Ngân hàng có trách nhiệm đem về.

- Tại phiên hòa giải, ông Tống Thanh T trình bày: Khi anh mua sà lan, ông L có trình bày là thế chấp Ngân hàng, trong vòng 5 năm và đề nghị anh trả gốc và lãi trả cho ông L để ông L trả nợ cho Ngân hàng. Anh mua sà lan với giá 4.000.000.000 đồng, hàng tháng anh trả tiền gốc và lãi cho ông L, ông L có ký biên nhận. Lần đầu tiên trả ngày 02/7/2012 trả dần đến tháng 12/2014, còn lại 1.095.000.000 đồng.

Theo trình bày của ông L, anh còn nợ ông L 1.095.000.000 đồng là đúng. Tháng 12/2014 anh yêu cầu ông L phải giao giấy tờ sà lan, sau đó ông L yêu cầu anh đưa 200.000.000 đồng để giải quyết lãi Ngân hàng, ngày 03/7/2015 anh có đưa cho ông L 200.000.000 đồng, có làm biên nhận (biên nhận ghi 200.00.000 đồng, nhưng thực tế anh đưa trực tiếp 110.000.000 đồng và chuyển Ngân hàng 90.000.000 đồng), chứng minh cho việc này là tại giấy biên nhận và xác nhận nợ ngày 30/5/2015 ông L có ghi bên gốc bên trái của giấy biên nhận và xác nhận nợ là có nhận 90.000.000 đồng. Hiện nay anh còn nợ ông L 895.000.000 đồng (tiền gốc). Anh không đồng ý trả 1.095.000.000 đồng cho ông L.

Anh yêu cầu ông L thực hiện hợp đồng mua bán sà lan giữa anh và ông L ngày 21/5/2012, ông L lấy giấy tờ sà lan giao cho anh và đồng ý trả tiếp cho ông L 895.000.000 đồng.

Trong trường hợp vô hiệu hợp đồng mua bán sà lan giữa anh và ông L thì anh yêu cầu ông L trả lại tiền vốn 3.100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi (thực tế anh đã trả cho ông L là 1.200.000.000 đồng tiền lãi và 3.100.000.000 đồng tiền gốc). Anh đồng ý giao trả lại sà lan cho Ngân hàng.

- Ông Nguyễn Nhựt B trình bày: Ông yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán sà lan giữa ông L và ông T để trả lại sà lan cho Ngân hàng phát mãi tài sản vì ông L đang thế chấp sà lan tại Ngân hàng.

- Ông Trần Huy L trình bày (bổ sung): Ông chỉ nhận tiền gốc của ông T 2.900.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng, ông T trình bày là 100.000.000

đồng tiền cò và 100.000.000 đồng, ông T trừ tiền sà lan bị hư khi nhận sà lan, ông không thừa nhận. Ông đồng ý trả lại cho ông T 2.900.000.000 đồng.

- Anh Tổng Thanh T trình bày: Như vậy, anh yêu cầu ông L trả lại cho anh 2.900.000.000 đồng, anh đồng ý trả lại sà lan cho ông L.

Tại phiên tòa, Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Việc tính lãi là theo hợp đồng tín dụng đã giao kết, tính đến tháng 11/2014 là 916.666.666 đồng. Lần giải ngân sau, do ông L không thực hiện trả lãi (tính đến thời điểm cơ cấu tháng 10/2012), do không trả lãi nên không thuộc đối tượng phải cơ cấu lại. Tính đến ngày 08/11/2019, ông L nợ như sau: Vốn vay: 5.000.000.000 đồng; lãi: 6.567.392.277 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.208.629.499 đồng; lãi quá hạn: 1.553.222.858 đồng). Tổng cộng: 11.567.392.277 đồng.

Về tài sản để đảm bảo cho số tiền vay, trường hợp ông L không thực hiện trả nợ, đề nghị được phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để trả nợ, tài sản có đăng ký gồm: + 01 Quyền sử dụng đất số T608837, số thửa 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.880m<sup>2</sup>, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long do Trần Huy L đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện LH cấp ngày 12/11/2004.

+ 01 giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L.

Đối với tài sản thế chấp (sà lan), ông L đã tự ý bán cho ông Tổng Thanh T là trách nhiệm của ông L. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng có đăng ký thế chấp. Do đó Ngân hàng không chịu trách nhiệm do hành vi vi phạm của ông L.

Ông L trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa: Về số liệu như Ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên cần được xem xét trong giai đoạn kinh tế khó khăn (từ năm 2009 – 2012). Đến tháng 6/2012 Ngân hàng đã phát mãi tài sản, nhưng đấu giá không thành thì không tiếp tục làm thủ tục giảm giá. Do đó chỉ chấp nhận tính lãi đến năm 2012. Ngân hàng cũng không thực hiện cơ cấu lại nợ theo hướng dẫn của Chính phủ (điều chỉnh phân kỳ trả nợ; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ).

Theo quy định Bộ Luật dân sự năm 2005: Việc bán cho ông T là hình thức bán trả chậm, nhưng Ngân hàng không cho bán tài sản để trả nợ.

Ông đã bán trả chậm cho ông T vào ngày 21/5/2012, ông T đã trả là 3.000.000.000 đồng (thời điểm nhận tiền là ngày 31/5/2015) còn lại 1.000.000.000 đồng thanh toán trong thời hạn 60 ngày nhưng ông T chưa thanh toán. Khi sửa chữa sà lan, ông T không báo theo quy định tại Hợp đồng ghi nhận: Muốn sửa chữa lớn thì ông T phải báo cáo.

Ngân hàng trình bày (bổ sung): Do không có thiện chí trả nợ nên không thuộc đối tượng cơ cấu lại nợ (cơ cấu lại nợ: Phải là nợ trong hạn; thực hiện trả nợ theo phân kỳ; có phương án trả nợ) là trách nhiệm của ông L; Ngân hàng không thừa nhận có sự can thiệp vào việc mua bán sà lan giữa ông L và ông T.

Về hồ sơ phát mãi tài sản: Ngày 16/10/2012 hợp đồng và bán đấu giá vào ngày 31/10/2012, nhưng không thành và lần 2 đã giảm giá 10%, nhưng vẫn không thành. Giữa Ngân hàng và Trung tâm đấu giá có biên bản thanh lý bán đấu giá ngày 31/10/2012.

Khi ông L bán cho ông T, Ngân hàng không biết đến ngày 02/4/2016 khi Ngân hàng kiểm tra và đối chiếu nợ với ông L thì mới biết sự việc trên.

Anh Tổng Thanh T trình bày (bổ sung): Như ý kiến tại các phiên hòa giải và biên bản lấy lời khai của anh, anh vẫn giữ yêu cầu ông L trả tiền đã nhận. Lý do anh không khởi kiện ông L trong cùng vụ án về chi phí sửa chữa là do để tạo điều kiện cho ông L thực hiện trả nợ. Tại Biên bản thỏa thuận có 03 bên gồm: Ngân hàng, ông L và anh (biên bản do Cơ quan Cảnh sát điều tra lập) có quy định về thời hạn để trả nợ tính đến 31/12/2018. Nhưng trên thực tế, ông L không thực hiện đối với số tiền anh đã thanh toán cho việc mua bán sà lan. Về bồi thường thiệt hại hiện nay số tiền hơn 1,5 tỷ đồng mà anh còn nợ tại Cty TNHH MTV CV, địa chỉ ấp TB, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang nơi đang sửa chữa chiếc sà lan. Giữa anh và ông L tiếp tục giải quyết sau. Số tiền mà anh còn nợ sửa chữa gồm hai khoản của: Xưởng đóng tàu Công viên – Công ty TNHH MTV Công viên số tiền là 1.548.931.800 đồng và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Phú Cường: Đại tu máy Cummins 500 số tiền 92.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông L chấp nhận trả lại 3.000.000.000 đồng, anh đồng ý. Riêng đối với chi phí sửa chữa giữa anh và ông L tự giải quyết sau.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 147, Điều 157, 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 128, 342, 348, 349, 352, 355, 471, 474, 476, 478, 715, 717, 720, 721 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 317, khoản 1, 3 Điều 318, Điều 319, 321, 322, khoản 7 Điều 323, Điều 325, 463, 465, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 4 Luật Thương mại; các Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

+ Buộc ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K liên đới trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7304 - LAV 200907878 ngày 16/10/2009 là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) và tiền lãi tính đến 03/12/2019: 6.803.761.857 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.236.569.166 đồng + lãi quá hạn: 1.567.192.691 đồng). Tổng cộng (vốn và lãi): 11.803.761.857 đồng (Mười một tỷ tám trăm lẻ ba triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 04/12/2019 ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7304 - LAV 200907878 đã ký kết ngày 16/10/2009 giữa ông Trần Huy L và Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh

Vĩnh Long. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K không trả hoặc không trả đủ vốn và lãi cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0920109.111 ngày 13/10/2009 để thu hồi nợ gồm:

+ Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số T608837, số thửa 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.880m<sup>2</sup>, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, do ông Trần Huy L đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/11/2004 của UBND huyện LH.

Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

+ Phương tiện thủy nội địa mang biển số đăng ký 12021 theo giấy Chứng nhận đăng ký số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L.

Hiện nay tài sản này do ông Tống Thanh T đang quản lý sửa chữa tại Cty TNHH MTV CV. Địa chỉ ấp TB, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang (theo Biên bản thẩm định ngày 01/7/2019).

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Huy L về việc xem xét lại mức lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

4. Vô hiệu hợp đồng mua bán sà lan giữa ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T ký kết ngày 21/5/2012.

+ Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T về việc hoàn trả số tiền đã nhận.

Buộc ông Trần Huy L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Tống Thanh T số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Buộc ông Tống Thanh T phải hoàn trả phương tiện thủy nội địa mang biển số đăng ký 12021 theo giấy Chứng nhận đăng ký số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L.

Hiện nay tài sản này do ông Tống Thanh T đang quản lý sửa chữa tại Cty TNHH MTV CV. Địa chỉ ấp TB, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang (theo Biên bản thẩm định ngày 01/7/2019).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

5. Dành cho ông Tống Thanh T một vụ kiện dân sự khác đối với số tiền sửa chữa sà lan mang số đăng ký 12021 - Chủ phương tiện: Ông Trần Huy L được Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2020, ông Trần Huy L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất, phần định giá sà lan và giá trị khấu hao của sà lan.

Ngày 06/01/2020, ông Tống Thanh T kháng cáo yêu cầu xử lý hình sự đối với ông L.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn ông Trần Huy L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của mình và sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất, phần định giá sà lan, xác định giá trị khấu hao của sà lan và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Tống Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử lý hình sự đối với bị đơn ông Trần Huy L. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đương sự nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Người kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng nên dẫn đến việc phán quyết tại phần quyết định là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có kháng cáo.

Nguyên đơn trình bày không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **Phản tranh luận:**

*Bị đơn ông Trần Huy L trình bày:*

Bị đơn chỉ chấp nhận tính lãi đến năm 2012 do Ngân hàng đã phát mãi tài sản, nhưng đầu giá không thành thì không tiếp tục làm thủ tục giảm giá, không cấp phép cho sà lan hoạt động và cũng không thực hiện cơ cấu lại nợ theo hướng dẫn của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do đó ông L đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán sà lan giữa ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T ký kết ngày 21/5/2012.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh T trình bày:*

Ông L không có thiện chí thực hiện thỏa thuận hoàn trả số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử lý hình sự đối với ông L.

*Nguyên đơn Ngân hàng trình bày:*

Ngân hàng xem xét quyết định việc cơ cấu lại nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá, khả năng trả nợ của khách hàng, ông Trần Huy L không đáp ứng được các điều kiện trên, nên không được cơ cấu lại nợ. Yêu cầu chỉ tính lãi đến năm 2012 của ông L là không có căn cứ. Ngân hàng xác định số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 7304 - LAV 200907878 ngày 16/10/2009 là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) và tiền lãi tính đến 03/12/2019: 6.803.761.857 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.236.569.166 đồng + lãi quá hạn: 1.567.192.691 đồng). Tổng cộng (vốn và lãi): 11.803.761.857 đồng (Mười một tỷ tám trăm lẻ ba triệu bảy trăm sáu mươi một



ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án:

Đối với kháng cáo của ông Tống Thanh T: Ngày 28/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra ra đã thông báo không khởi tố vụ án hình sự. Việc xử lý hình sự thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Tống Thanh T. Đối với kháng cáo của ông Trần Huy L: Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH có cho hộ ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K vay tiền, mục đích vay mua sà lan theo hợp đồng tín dụng số LAV 200907878. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản tổng vốn vay và lãi đến thời điểm đến 03/12/2019: 6.803.761.857 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.236.569.166 đồng + lãi quá hạn: 1.567.192.691 đồng). Tổng cộng (vốn và lãi): 11.803.761.857 đồng. Ông L yêu cầu tính lại lãi suất nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng số 7304 - LAV 200907878 đã ký kết ngày 16/10/2009 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện LH (Ngân hàng) với ông Trần Huy L. Nội dung ông L vay số tiền 5.000.000.000 đồng để thực hiện mua mới sà lan tự hành. Lãi suất là 0,875%/tháng, lãi quá hạn 1,3125%/tháng. Kỳ hạn trả nợ là 60 tháng kể từ ngày 13/10/2009. Để đảm bảo cho số tiền vay giữa Ngân hàng và ông Trần Huy L lập hợp đồng thế chấp số 09.20109.111 ngày 13/10/2009. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số T608837 cấp ngày 12/11/2004 của UBND huyện LH. Giá trị tài sản thế chấp là 213.200.000 đồng. Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 09.20109.111 ngày 13/10/2009 giữa Ngân hàng và ông Trần Huy L. Tài sản thế chấp: Sà lan tự hành: 01 chiếc. Trọng tải 1.061,9 tấn. Bằng vật liệu thép, máy Cummins, No: 31120183 - 550,0 CV. Các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai: Giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa – Số Đăng ký 12021 - Chủ phương tiện: Ông Trần Huy L được

Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009. Giá trị tài sản hình thành từ vốn vay: 7.700.000.000 đồng. Hợp đồng này được giao kết giữa Ngân hàng với ông Trần Huy L và Nguyễn Thị Lệ K là đồng sở hữu.

Nguyên đơn Ngân hàng trình bày: Khi đến hạn hợp đồng, ông L không thực hiện trả tiền lãi và tiền vốn vay đúng hạn. Ngân hàng yêu cầu ông L và bà K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh kể từ khi ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo đúng hợp đồng tính dụng đã giao kết. Đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để hoàn trả vốn và lãi cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Huy L trình bày ông thừa nhận số tiền vốn vay đã nhận và lãi đã thanh toán tính theo trình bày của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông cho rằng Ngân hàng cũng không thực hiện cơ cấu lại nợ theo hướng dẫn của Chính phủ và không cấp giấy phép cho sà lan hoạt động nên chỉ chấp nhận tính lãi đến năm 2012.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Các bên đương sự đã thống nhất về vốn vay và lãi phải trả như sau: Tính đến thời điểm ngày 03/12/2019, ông L và bà K còn nợ: Vốn vay: 5.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến 03/12/2019: 6.803.761.857 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.236.569.166 đồng + lãi quá hạn: 1.567.192.691 đồng). Tổng cộng (vốn và lãi): 11.803.761.857 đồng.

Căn cứ Điều 342, 348, 349, 355, 471, 474, 476, 478, 715, 717, 720, 721 Bộ Luật dân sự năm 2005; các Điều 317, khoản 1, 3 Điều 318, Điều 319, 321, 322, 323, khoản 7 Điều 323, Điều 325, 463, 465, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 4 Luật Thương mại; các Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận: buộc ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K liên đới chịu trách nhiệm trả nợ đối Ngân hàng số tiền, cụ thể: Vốn vay: 5.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến 03/12/2019: 6.803.761.857 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.236.569.166 đồng + lãi quá hạn: 1.567.192.691 đồng). Tổng cộng (vốn và lãi): 11.803.761.857 đồng (đã trừ số tiền ông L đã trả là 916.666.666 đồng). Trường hợp không trả hoặc không trả đủ (vốn+lãi) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với hợp đồng mua bán sà lan giữa ông L và ông Tổng Thanh T được giao kết ngày 21/5/2012, trị giá hợp đồng là 4.000.000.000 đồng. Đã thực hiện là 3.100.000.000 đồng; đây là hợp đồng bị coi là vô hiệu theo Điều 127 Bộ Luật dân sự năm 2005. Tương ứng với Điều 122 Bộ Luật dân sự năm 2015. Hậu quả của hợp đồng vô hiệu xử lý theo quy định tại Điều 137 Bộ Luật dân sự năm 2005 và Điều 131 Bộ Luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên tại các Biên bản ghi lời khai của ông Tổng Thanh T ngày 08/11/2019 trình bày: Anh không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng do vô hiệu mà yêu cầu ông L hoàn trả lại cho anh số tiền đã nhận là 2.900.000.000 đồng. Ông L và ông T thống nhất: Ông L đồng ý hoàn trả cho ông T số tiền mua bán sà lan (đã nhận) là 3.000.000.000 đồng. Ông T đồng ý nhận số tiền trên. Do đó, buộc ông Trần Huy L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Tổng Thanh T số tiền là 3.000.000.000 đồng. Buộc ông Tổng Thanh T phải hoàn trả 01 chiếc sà lan mang số Đăng ký 12021 – Chủ phương

tiên: Ông Trần Huy L được Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009. Hiện nay tài sản này do ông Tống Thanh T đang quản lý hiện đang sửa chữa tại Cty TNHH MTV CV. Địa chỉ ấp TB, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang nơi đang sửa chữa chiếc sà lan (theo Biên bản thẩm định ngày 01/7/2019). Đối với phần chi phí sửa chữa là phần thiệt hại do vô hiệu hợp đồng, ông T không yêu cầu và đề nghị tách ra để giữa anh và ông L giải quyết sau về bồi thường thiệt hại bằng một vụ án khác. Do đó không xem xét đối với hậu quả do hợp đồng bị vô hiệu.

Từ những nhận định này, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, tuyên bố hợp đồng mua bán sà lan giữa ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T ký kết ngày 21/5/2012 vô hiệu, công nhận sự thỏa thuận giữa ông L và ông T về việc hoàn trả số tiền đã nhận.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án đã nhận định và phán quyết đúng quy định của pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm phía bị đơn ông Trần Huy L kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Ông Tống Thanh T kháng cáo yêu cầu xử lý hình sự đối với ông Trần Huy L. Xét thấy nội dung trên thuộc thẩm quyền của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long và không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Trần Huy L được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Tống Thanh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

+ Buộc ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K liên đới trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long số tiền vay theo Hợp đồng tín

dụng số 7304 - LAV 200907878 ngày 16/10/2009 là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) và tiền lãi tính đến 03/12/2019: 6.803.761.857 đồng (trong đó lãi trong hạn: 5.236.569.166 đồng + lãi quá hạn: 1.567.192.691 đồng). Tổng cộng (vốn và lãi): 11.803.761.857 đồng (Mười một tỷ tám trăm lẻ ba triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 04/12/2019 ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7304 - LAV 200907878 đã ký kết ngày 16/10/2009 giữa ông Trần Huy L và Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K không trả hoặc không trả đủ vốn và lãi cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0920109.111 ngày 13/10/2009 để thu hồi nợ gồm:

+ Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số T608837, số thửa 108, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.880m<sup>2</sup>, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, do ông Trần Huy L đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/11/2004 của UBND huyện LH.

Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

+ Phương tiện thủy nội địa mang biển số đăng ký 12021 theo giấy Chứng nhận đăng ký số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L.

Hiện nay tài sản này do ông Tống Thanh T đang quản lý sửa chữa tại Cty TNHH MTV CV. Địa chỉ ấp TB, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang (theo Biên bản thẩm định ngày 01/7/2019).

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Huy L về việc xem xét lại mức lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

4. Vô hiệu hợp đồng mua bán sà lan giữa ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T ký kết ngày 21/5/2012.

+ Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Huy L và ông Tống Thanh T về việc hoàn trả số tiền đã nhận.

Buộc ông Trần Huy L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Tống Thanh T số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Buộc ông Tống Thanh T phải hoàn trả phương tiện thủy nội địa mang biển số đăng ký 12021 theo giấy Chứng nhận đăng ký số 1639/ĐK 2009 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009 cho ông Trần Huy L.

Hiện nay tài sản này do ông Tổng Thanh T đang quản lý sửa chữa tại Cty TNHH MTV CV. Địa chỉ ấp TB, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang (theo Biên bản thẩm định ngày 01/7/2019).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

5. Dành cho ông Tổng Thanh T một vụ kiện dân sự khác đối với số tiền sửa chữa sà lan mang số đăng ký 12021 - Chủ phương tiện: Ông Trần Huy L được Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/10/2009.

6. Chi phí khảo sát, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Huy L và bà Nguyễn Thị Lệ K liên đới nộp 6.238.000 đồng tại Cục Thi hành dân sự tỉnh Vĩnh Long để hoàn trả lại cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

II/ Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Trần Huy L được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Ông Tổng Thanh T phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào 2.000.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002569 ngày 06/01/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- NĐ (1);
- BD (1);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 20b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**

